

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2021/HNGĐ-PT

Ngày 21 - 9 - 2021

Về việc ly hôn, tranh chấp về
nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Ngọt

Các Thẩm phán: Ông Lê Minh Đạt

Ông Nguyễn Thế Hồng

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Quỳnh Mai – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Phượng – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 15/2021/TLPT-HNGĐ ngày 15 tháng 7 năm 2021 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” do Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 213/2021/HNGĐ-ST ngày 14 tháng 6 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 34 /2021/QĐPT-HNGĐ ngày 09 tháng 9 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Kiều O, sinh năm: 1984

Địa chỉ: Ấp VH1, xã VT, huyện CL, tỉnh BT.

Nơi cư trú: Ấp VC, xã VT, huyện CL, tỉnh BT.

- Bị đơn: Ông Phương Ngọc H (tên gọi khác: Ô), sinh năm: 1986

Địa chỉ: Số 151/29 ấp VH1, xã VT, huyện CL, tỉnh BT

Nơi cư trú: Ấp VC, xã VT, huyện CL, tỉnh BT

- Người kháng cáo: Bị đơn ông Phương Ngọc H.

Bà O và ông H có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 21/01/2021, văn bản trình bày ý kiến, biên bản hòa giải và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kiều O trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Phương Ngọc H tìm hiểu tự nguyện kết hôn năm 2008 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Thành, huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre vào ngày 20/10/2008. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc được khoảng 01 năm, sau đó bắt đầu có mâu thuẫn nhưng vì thương con nên bà cố gắng chịu đựng hàn gắn tình cảm, đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn gay gắt, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau, ông H không biết chia sẻ với vợ con, chỉ sống theo ý mình, tính tình ông H nóng nảy, khuyên can không nghe làm cho không khí gia đình nặng nề, căng thẳng, vợ chồng không còn tình cảm với nhau nên vào tháng 10/2020 bà đã nộp đơn xin ly hôn với ông H, khi Tòa án giải quyết thì ông H xin hàn gắn đoàn tụ vợ chồng, vì thương con nên bà đã đồng ý cho ông H cơ hội nhưng ông H vẫn không sửa đổi tính tình. Bà và ông H đã sống ly thân từ tháng 3/2020 đến nay. Bà xác định tình cảm vợ chồng với ông H không còn, không thể hàn gắn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông H, bà không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng sau khi ly hôn.

Về con chung: Có 02 con chung là Phương Gia B sinh ngày 19/6/2009 và Phương Gia K sinh ngày 12/12/2011, hiện 02 con đang sống chung với bà, ông H. Khi ly hôn, bà yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi 02 con chung, bà không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Tại văn bản trình bày ý kiến, biên bản hòa giải và tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn ông Phương Ngọc H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông thống nhất với lời trình bày của bà O về điều kiện kết hôn, thời gian kết hôn. Còn về nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn thì ông cũng có những khuyết điểm như bà O trình bày nhưng sau khi bà O nộp đơn và rút đơn ly hôn tại Tòa án về thì ông đã cố gắng sửa đổi tính tình tốt hơn trước rất nhiều. Tuy nhiên, bà O không muốn hàn gắn tình cảm mà vẫn kiêu chuyện với ông, dẫn đến vợ chồng cãi nhau. Nay ông còn thương vợ nên không đồng ý ly hôn, ông xin bà O cho ông cơ hội để sửa đổi tính tình, cố gắng xây dựng kinh tế gia đình để lo cho vợ con.

Về con chung: Có 02 con chung là Phương Gia B sinh ngày 19/6/2009 và Phương Gia K sinh ngày 12/12/2011, hiện 02 con đang sống chung với ông, bà O. Trường hợp phải ly hôn, ông đồng ý giao quyền trực tiếp nuôi 02 con chung lại cho bà O, ông không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Sau khi hòa giải không thành, Tòa án nhân dân huyện CL đưa vụ án ra xét xử với quyết định:

Căn cứ các điều 28, 147 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ các điều 51, 56, 81, 82, 83, 84, 107, 116, 117 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Kiều O đối với ông Phương Ngọc H. Cụ thể tuyên:

Bà Nguyễn Thị Kiều O được ly hôn với ông Phương Ngọc H. Ghi nhận bà O và ông H không yêu cầu giải quyết cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn.

2. Về con chung và việc cấp dưỡng nuôi con: Bà Nguyễn Thị Kiều O được quyền trực tiếp nuôi hai con chung tên Phương Gia Bsinh ngày 19/6/2009 và Phương Gia Ksinh ngày 12/12/2011. Ghi nhận bà O không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con được thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở. Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án quyết định hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con.

Vì lợi ích của con chung sau này theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên không xét đến.

4. Về nợ chung: Hai bên khai không có nên không xét đến.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 17 tháng 6 năm 2021, bị đơn ông Phương Ngọc H kháng cáo.

Theo đơn kháng cáo và tại phiên tòa phúc thẩm ông Phương Ngọc H giữ nguyên kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm. Ông không đồng ý yêu cầu xin ly hôn của bà O, vì ông còn thương yêu vợ, không có bạo lực gia đình và hết lòng lo lắng cho vợ con. Ông yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà O.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kiều O không chấp nhận nội dung kháng cáo của ông H, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre phát biểu: Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; những người tham gia tố tụng đã thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng của họ theo quy định của pháp luật. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 308 và Điều 310 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tuyên xử theo hướng: Hủy một phần bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 213/2021/HNGĐ-ST ngày 14 tháng 6 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre (hủy về phần nợ chung vì phát sinh tình tiết mới tại phiên tòa phúc thẩm do hai bên trình bày có nợ chung). Đề nghị giữ nguyên những nội dung khác về hôn nhân, về nuôi con chung, tài sản chung.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng. Xét kháng cáo của bị đơn ông Phương Ngọc H và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre. Hội đồng xét xử nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Ông Phương Ngọc H kháng cáo và thực hiện các thủ tục kháng cáo hợp lệ, trong thời hạn luật định nên được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Kiều O và ông Phương Ngọc H tự tìm hiểu nhau và tiến tới hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Thành, huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 155, quyển số 01/2018 ngày 20/10/2008 nên hôn nhân giữa bà O và ông H là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Theo bà O thì sau khi kết hôn bà và ông H chung sống hạnh phúc khoảng một năm, sau đó phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau, ông H tính tình nóng nảy, không biết chia sẻ với vợ con, chỉ sống theo ý mình, dẫn đến cả hai không còn quan tâm chăm sóc đến cuộc sống của nhau. Nay bà O xác định tình cảm vợ chồng không còn nên bà yêu cầu được ly hôn với ông H, không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng sau khi ly hôn. Về phía ông H thì cho rằng nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do ông nóng tính nhưng nay ông đã sửa đổi không còn nóng tính như trước nữa, ông biết quan tâm đến vợ con hơn, ông còn thương vợ con nên không đồng ý ly hôn. Xét thấy, mâu thuẫn giữa bà O và ông H thực tế là có xảy ra và hai người có thời gian sống ly thân từ tháng 3/2020 đến nay, với khoảng thời gian trên cũng đủ để ông bà suy nghĩ lại tình cảm vợ chồng nhưng cả hai cũng không tìm được biện pháp nào để khắc phục mâu thuẫn, hàn gắn tình cảm vợ chồng. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã hòa giải động viên để bà O và ông H hàn gắn, đoàn tụ gia đình, tuy nhiên tại Tòa án cấp sơ thẩm và cấp phúc thẩm bà O vẫn kiên quyết yêu cầu ly hôn với ông H. Do đó, mâu thuẫn của bà O và ông H đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân

không đạt được nên việc cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà O là có căn cứ, phù hợp Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Bà O và ông H thống nhất có 02 con chung tên Phương Gia Bsinh ngày 19/6/2009 và Phương Gia Ksinh ngày 12/12/2011, hiện tại hai con chung đang sống chung với ông bà. Bà O yêu cầu sau khi ly hôn bà được quyền trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung và không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con chung. Tại Tòa án cấp sơ thẩm, ông H trình bày trong trường hợp Tòa án chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà O thì ông đồng ý giao 02 con chung cho bà O trực tiếp nuôi dưỡng và ông không cấp dưỡng nuôi con. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm, ông H trình bày trong trường hợp Tòa án chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà O thì ông có nguyện vọng được nuôi 01 con chung, cháu nào cũng được. Xét thấy, hai con chung của bà O và ông H đều có nguyện vọng sống chung với mẹ là bà O, từ khi bà O và ông H ly thân thì 02 con chung do bà O trực tiếp nuôi dưỡng. Do đó, việc cấp sơ thẩm giao cháu Bảo và cháu Kiệt cho bà O trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Ghi nhận bà O không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con, ông H cũng không tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Nhận thấy khi Tòa sơ thẩm giải quyết vụ án thì bà O và ông H đều trình bày tự thỏa thuận về tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét là có căn cứ, hai bên đều trình bày không có nợ chung nên Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét là đúng quy định của pháp luật. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm, bà O và ông H đều trình bày thống nhất là trong quá trình chung sống còn có các khoản nợ cụ thể như sau:

- Nợ số tiền vay 120.000.000 đồng của Ngân hàng Nông nghiệp Chi nhánh Chợ Lách. Vay từ năm 2021, thời hạn vay 03 năm, do bà Nguyễn Thị Kiều O đứng tên vay và có thế chấp quyền sử dụng đất là tài sản chung của bà O và ông H.

- Nợ 90.000.000 đồng của bà Nguyễn Thị Cẩm T (em ruột bà Nguyễn Thị Kiều O) hiện ở Hoa Kỳ.

- Nợ 16 chỉ vàng 24K của mẹ ruột bà Nguyễn Thị Kiều O là bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1952. Địa chỉ: Ấp X, xã HA, huyện PH, tỉnh HG.

- Nợ 10 chỉ vàng 24K của cha chồng bà Nguyễn Thị Kiều O là ông Phương Văn L, sinh năm 1951. Địa chỉ: Ấp VH1, xã VT, huyện CL, tỉnh BT Bà O và ông H cho rằng trước đây ông Lý có đòi nợ, nhưng vợ chồng ông bà chưa trả nợ.

Xét thấy các khoản nợ nêu trên là tình tiết mới phát sinh tại phiên tòa phúc thẩm. Do đó để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự và các tổ chức, cá nhân liên quan đến phần nợ chung của ông H, bà O, cấp phúc thẩm thấy cần thiết phải hủy một phần bản án sơ thẩm về phần nợ chung và tài sản chung (để đảm bảo nghĩa vụ thanh toán nợ hoặc thi hành án nếu có), chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại về phần tài sản chung, nợ chung của bà O và ông H theo đúng quy định của pháp luật.

[5] Hội đồng xét xử thấy rằng ông Phương Ngọc H kháng cáo nhưng không đưa ra được biện pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng giữa ông và bà O. Do đó, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của ông H, giữ nguyên bản án sơ thẩm về hôn nhân và nuôi con chung.

[6] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre là phù hợp một phần với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận một phần.

[7] Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông Phương Ngọc H phải chịu án phí phúc thẩm là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 308 và Điều 310 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Không chấp nhận kháng cáo của ông Phương Ngọc H.

Giữ nguyên Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 213/2021/HNGĐ-ST ngày 14 tháng 6 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre (về hôn nhân và con chung). Hủy một phần bản án (về tài sản chung, nợ chung) và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện CLgiải quyết lại một phần vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

Áp dụng các điều 51, 56, 81, 82, 83, 84, 107, 116, 117 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Kiều O đối với ông Phương Ngọc H.

Bà Nguyễn Thị Kiều O được ly hôn với ông Phương Ngọc H. Ghi nhận bà O và ông H không yêu cầu giải quyết cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn.

2. Về con chung và việc cấp dưỡng nuôi con: Bà Nguyễn Thị Kiều O được quyền trực tiếp nuôi hai con chung tên Phương Gia B sinh ngày 19/6/2009 và Phương Gia K sinh ngày 12/12/2011. Ghi nhận bà O không yêu cầu ông Phương Ngọc H cấp dưỡng nuôi con và ông H không tự nguyện cấp dưỡng nuôi con.

Ông Phương Ngọc H có quyền thăm nom con, không ai được cản trở ông H thực hiện quyền này. Trong trường hợp ông H lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con thì bà O có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của ông H.

Vì lợi ích của con chung, ông Phương Ngọc H, bà Nguyễn Thị Kiều O hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình có quyền yêu cầu Tòa án quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Khi có lý do chính đáng, ông Phương Ngọc H, bà Nguyễn Thị Kiều O có thể thỏa thuận việc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con, phương thức cấp dưỡng nuôi con, nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Hủy một phần bản án sơ thẩm về tài sản chung, nợ chung và chuyển hồ sơ về cho Tòa án nhân dân huyện Cgiải quyết lại một phần vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

4. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Kiều O phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0004605 ngày 27 tháng 01 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre.

5. Về án phí hôn nhân gia đình phúc thẩm: Ông Phương Ngọc H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0000887 ngày 28 tháng 6 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Bến Tre;
- TAND huyện Chợ Lách;
- Chi cục THADS huyện Chợ Lách;
- Các đương sự;
- Phòng KTNV&THAHS tỉnh Bến Tre;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phạm Văn Ngọt